

# KNOWLEDGE AND PRACTICES REGARDING DENGUE FEVER PREVENTION AMONG HIGH SCHOOL STUDENTS IN PHONG DIEN DISTRICT, CAN THO CITY 2024

Tran Thanh The<sup>1</sup>, Huynh Ngoc Linh<sup>2\*</sup>, Bui Quoc Thang<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Phong Dien District Medical Center, Can Tho city -

Nhon Loc 2 Hamlet, Phong Dien Town, Phong Dien Dist, Can Tho City, Vietnam

<sup>2</sup>Ca Mau Medical College - 146 Nguyen Trung Truc, Ca Mau City, Ca Mau Province, Vietnam

<sup>3</sup>Cho Ray Hospital - 201B Nguyen Chi Thanh, Dist 5, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 13/01/2025

Revised: 02/02/2025; Accepted: 25/02/2025

## ABSTRACT

**Objective:** To determine the proportion of high school students with accurate knowledge and practices regarding Dengue fever prevention, and associated factors, in Phong Dien district, Can Tho city.

**Research methods:** A cross-sectional analytical descriptive study was conducted on 220 students from September to November 2024.

**Results:** The survey of 220 students, 90.9% of students had correct knowledge of Dengue fever, and only 66.8% of students had correct practice. Male students have correct knowledge and correct practice at rates of 81.3% and 53.1%, respectively, lower than female students with rates of correct knowledge at 94.9% and correct practice at 72.4%, with OR = 4.26, respectively; 95%CI (1.49-12.66) and OR = 2.31; 95%CI (1.20-4.42) and all have  $p < 0.001$ . Similarly, students with good academic performance or higher have a higher rate of correct practice than the other group with rates of 79.7% and 60.9%, respectively, with OR = 2.51 and 95%CI (1.24-5.33). Factors that are not related to correct knowledge and practice are grade level and number of family members.

**Conclusions:** The rates of correct knowledge and practices regarding Dengue fever prevention among high school students in Phong Dien district were 90.9% and 66.8%, respectively. Factors such as female gender and good academic performance were associated with better knowledge and practices.

**Keywords:** Knowledge, practice, Dengue fever prevention, high school students.

---

\*Corresponding author

Email: drlinhcm78@gmail.com Phone: (+84) 918601231 [Https://doi.org/10.52163/yhc.v66i2.2100](https://doi.org/10.52163/yhc.v66i2.2100)

# KIẾN THỨC, THỰC HÀNH PHÒNG CHỐNG SỐT XUẤT HUYẾT DENGUE CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC TẠI HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2024

Trần Thanh Thế<sup>1</sup>, Huỳnh Ngọc Linh<sup>2\*</sup>, Bùi Quốc Thắng<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Trung tâm Y tế huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ -

Áp Nhơn Lộc 2, Thị trấn Phong Điền, H. Phong Điền, Tp. Cần Thơ, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau - 146 Nguyễn Trung Trực, Tp. Cà Mau, Việt Nam

<sup>3</sup>Bệnh viện Chợ Rẫy - 201B Nguyễn Chí Thanh, Q. 5, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài: 13/01/2025

Chỉnh sửa ngày: 02/02/2025; Ngày duyệt đăng: 25/02/2025

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Xác định tỷ lệ học sinh trung học có kiến thức, thực hành đúng về phòng chống sốt xuất huyết Dengue và một số yếu tố liên quan tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

**Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 220 học sinh từ tháng 9/2024 đến tháng 11/2024.

**Kết quả:** Khảo sát trên 220 học sinh, học sinh có nhận thức đúng về bệnh sốt xuất huyết Dengue đạt 90,9%, thực hành đúng chỉ đạt 66,8%. Học sinh nam có kiến thức đúng và thực hành đúng với tỷ lệ lần lượt là 81,3% và 53,1%, thấp hơn so với học sinh nữ với tỷ lệ có kiến thức đúng 94,9% và thực hành đúng 72,4%, với lần lượt OR = 4,26; 95%CI (1,49-12,66) và OR = 2,31; 95%CI (1,20-4,42) và đều có p < 0,001. Tương tự, học sinh có học lực giỏi trở lên có tỷ lệ thực hành đúng cao hơn so với nhóm còn lại với tỷ lệ tương ứng là 79,7% và 60,9% với OR = 2,51 và 95%CI (1,24-5,33). Các yếu tố không có mối liên quan đến kiến thức và thực hành đúng là khối lớp và số thành viên trong gia đình.

**Kết luận:** Tỷ lệ kiến thức đúng, thực hành đúng về phòng chống sốt xuất huyết của học sinh trung học tại huyện Phong Điền lần lượt là 90,9% và 66,8%. Các yếu tố như học sinh nữ, xếp loại học lực giỏi có kiến thức và thực hành đúng tốt hơn so với nhóm còn lại.

**Từ khóa:** Kiến thức, thực hành, phòng chống sốt xuất huyết Dengue, học sinh trung học.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sốt xuất huyết là bệnh truyền nhiễm cấp tính do virus Dengue gây ra, lây lan qua muỗi vằn *Aedes aegypti* và *Aedes albopictus*. Bệnh có thể gây dịch lớn, đặc biệt nguy hiểm cho trẻ em, dẫn đến tử vong và thiệt hại kinh tế, xã hội. Có 4 typ virus Dengue (D1, D2, D3, D4) gây bệnh, và người có thể mắc lại do miễn dịch chỉ đặc hiệu với từng typ. Trên toàn cầu, khoảng 3,5 tỷ người có nguy cơ mắc bệnh, trong đó 1,3 tỷ người ở Đông Nam Á. Tại Việt Nam, bệnh phổ biến ở cả 3 miền, thường bùng phát vào mùa mưa [1]. Năm 2023, ở phía Nam, sốt xuất huyết có 62.674 ca mắc và có 22 ca tử vong. Với chiều hướng biến đổi khí hậu và bệnh sốt xuất huyết trên thế giới chưa ổn định, nên có nguy cơ bùng phát dịch sốt xuất huyết vào thời gian tới [2]. Tuy nhiên, công tác phòng chống dịch gặp nhiều khó khăn do thiếu sự phối hợp giữa các ban ngành, công tác truyền thông

chưa hiệu quả, và cộng tác viên chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ. Bệnh sốt xuất huyết gia tăng do người dân chưa ý thức và thực hành tốt trong phòng chống bệnh, đặc biệt là học sinh, nhóm có tỷ lệ mắc cao. Vì vậy, chúng tôi thực hiện đề tài nghiên cứu khảo sát kiến thức, thực hành phòng, chống sốt xuất huyết Dengue của học sinh trung học tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ năm 2024 với các mục tiêu sau:

(1) Xác định tỷ lệ học sinh trung học có kiến thức, thực hành đúng về phòng chống sốt xuất huyết Dengue tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ;

(2) Tìm hiểu mối liên quan giữa kiến thức, thực hành và các đặc điểm của học sinh trung học tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

\*Tác giả liên hệ

Email: drlinhcm78@gmail.com Điện thoại: (+84) 918601231 [Https://doi.org/10.52163/yhc.v66i2.2100](https://doi.org/10.52163/yhc.v66i2.2100)

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

### 2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 9/2024 đến tháng 11/2024 tại Trường Trung học phổ thông Giai Xuân, Trường Trung học phổ thông Phan Văn Trị, Trường Trung học cơ sở Giai Xuân và Trường Trung học cơ sở thị trấn Phong Điền.

### 2.3. Đối tượng nghiên cứu

- *Tiêu chí chọn mẫu:* Học sinh tại 4 trường trung học tiến hành nghiên cứu và đồng ý tham gia nghiên cứu.

- *Tiêu chí loại trừ:* Đối tượng không đồng ý tham gia nghiên cứu, đang vắng mặt, nghỉ học dài hạn, đang xin chuyển trường.

### 2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu

- Cỡ mẫu: áp dụng công thức tính mẫu cho ước lượng 1 tỷ lệ với độ chính xác tuyệt đối.

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:  $p$  là tỷ lệ có kiến thức, thực hành đúng về phòng chống sốt xuất huyết Dengue của học sinh theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Văn Vân và cộng sự với tỷ lệ kiến thức đúng và thực hành đúng về phòng chống sốt xuất huyết là 90,46% và 84,73%. Với  $p = 0,9046$  tính được  $n = 133$ ; với  $p = 0,8473$  tính được  $n = 199$ . Để bảo đảm cỡ mẫu lớn nhất, trong nghiên cứu này chúng tôi chọn  $p = 0,8473$  [3].

Cỡ mẫu được ước tính là 199 đối tượng, thực tế trong nghiên cứu này chúng tôi khảo sát 220 học sinh.

- Phương pháp chọn mẫu: áp dụng phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn.

### 2.5. Biến số nghiên cứu

- Nhóm biến số kiến thức về phòng chống sốt xuất huyết gồm 13 câu hỏi, trả lời “đúng” được 1 điểm, trả lời “không đúng” hoặc “không biết” được 0 điểm. Học sinh trả lời đúng 10 câu được xem là có kiến thức đúng ( $\geq 75\%$ ).

- Nhóm biến số thực hành về phòng chống sốt xuất huyết gồm 15 câu hỏi, trả lời phần “đúng” được 1 điểm, trả lời “không đúng” được 0 điểm; quan sát thực hành đúng được 1 điểm, không đúng được 0 điểm. Học sinh trả lời đúng 12 câu được xem là có thực hành đúng ( $\geq 75\%$ ).

### 2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

- Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi tự điền. Bộ công cụ được xây dựng bằng cách thu thập ý kiến của chuyên gia và sử dụng các tài liệu nghiên cứu kiến thức, thực

hành về phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue.

- Bộ công cụ được điều tra thử nghiệm 2 lần đối với 30 học sinh tại 2 trường trung học phổ thông khác nhau, sau đó chỉnh sửa, hoàn thiện và điều tra chính thức.

### 2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Nhập số liệu bằng phần mềm Epidata 3.02 và phân tích thống kê số liệu bằng phần mềm STATA 12.0. Thống kê mô tả được sử dụng để mô tả kiến thức, thực hành các yếu tố liên quan đến phòng chống sốt xuất huyết Dengue, cũng như các đặc điểm cá nhân của đối tượng nghiên cứu. Dùng chỉ số số chênh (OR) để tìm hiểu mối liên quan giữa kiến thức, thực hành với các đặc điểm của học sinh, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi  $p \leq 0,05$ .

### 2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng Y đức của Trường Đại học Trà Vinh và sự cho phép của lãnh đạo các trường tiến hành nghiên cứu. Thông tin của trường và các học sinh tham gia vào nghiên cứu được giữ bí mật. Các đối tượng tự nguyện đồng ý tham gia vào nghiên cứu, được giải thích rõ về mục đích của nghiên cứu. Các số liệu, thông tin thu thập được chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu

**Bảng 1. Đặc điểm chung đối tượng nghiên cứu (n = 220)**

Biến số		Số lượng	Tỷ Lệ (%)
Giới	Nam	64	29,1
	Nữ	156	70,9
Phân nhóm theo cấp học	Trung học cơ sở	100	45,5
	Trung học phổ thông	120	54,5
Số người trong gia đình	$\leq 4$ người	119	54,1
	$> 4$ người	101	45,9
Xếp loại học lực	$\leq$ Khá	151	68,6
	$\geq$ Giỏi	69	31,4

Nhận xét: Nam giới có 64 học sinh, chiếm 29,1%, nữ giới có 156 học sinh, chiếm 70,9%; học sinh trung học cơ sở tuổi từ 11-14 chiếm 45,5%, học sinh trung học phổ thông tuổi từ 15-17, chiếm 54,5%; học sinh có học lực giỏi trở lên chiếm 31,4%.

**3.2. Tỷ lệ học sinh có kiến thức, thực hành đúng về phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue**

**Bảng 2. Tỷ lệ học sinh có kiến thức, thực hành đúng về phòng chống bệnh sốt xuất huyết Dengue (n = 220)**

Đặc điểm		Tần suất	Tỷ lệ (%)
Kiến thức	Đúng	200	90,9
	Chưa đúng	20	9,1
Thực hành	Đúng	147	66,8
	Chưa đúng	73	33,2

Nhận xét: Tỷ lệ học sinh có kiến thức đúng là 90,9%, thực hành đúng là 66,8%.

**3.3. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành đúng của học sinh**

**Bảng 3. Mối liên quan giữa các đặc điểm của học sinh với kiến thức đúng**

Đặc điểm	Kiến thức đúng	Kiến thức chưa đúng	OR (KTC95%)	P
<b>Giới tính</b>				
Nữ (n = 156)	148 (94,9%)	8 (5,1%)	4,26 (1,49-12,66)	< 0,001
Nam (n = 64)	52 (81,3%)	12 (18,7%)		
<b>Cấp học</b>				
Trung học cơ sở (n = 50)	45 (90,0%)	5 (10,0%)	0,87 (0,30-2,52)	0,78
Trung học phổ thông (n = 170)	155 (91,2%)	15 (8,8%)		
<b>Số người trong gia đình</b>				
≤ 4 người (n = 119)	111 (93,3%)	8 (6,7%)	1,87 (0,73-4,77)	0,18
> 4 người (n = 101)	89 (88,1%)	12 (11,9%)		
<b>Xếp loại học lực</b>				
≥ Giỏi (n = 69)	63 (91,3%)	6 (8,7%)	1,07 (0,36-3,56)	0,89
≤ Khá (n = 151)	137 (90,7%)	14 (9,3%)		

Nhận xét: Khảo sát cho thấy học sinh nam đạt kiến thức đúng (81,3%) thấp hơn học sinh nữ (94,9%); tỷ lệ kiến thức đúng không có sự khác biệt giữa số thành viên trong gia đình và cấp học.

**Bảng 4. Mối liên quan giữa các đặc điểm của học sinh với thực hành đúng**

Đặc điểm	Thực hành đúng	Thực hành chưa đúng	OR (KTC95%)	P
<b>Giới tính</b>				
Nữ (n = 156)	113 (72,4%)	43 (27,6%)	2,31 (1,20-4,42)	< 0,001
Nam (n = 64)	34 (53,1%)	30 (46,9%)		
<b>Cấp học</b>				
Trung học cơ sở (n = 50)	35 (70,0%)	15 (30,0%)	1,20 (0,61-2,39)	0,58
Trung học phổ thông (n = 170)	112 (65,9%)	58 (34,1%)		
<b>Số người trong gia đình</b>				
≤ 4 người (n = 119)	85 (71,4%)	34 (28,6%)	1,57 (0,89-2,76)	0,12
> 4 người (n = 101)	62 (61,4%)	39 (38,6%)		
<b>Xếp loại học lực</b>				
≥ Giỏi (n = 69)	55 (79,7%)	14 (20,3%)	2,51 (1,24-5,33)	0,006
≤ Khá (n = 151)	92 (60,9%)	59 (39,1%)		

Nhận xét: Kết quả cho thấy học sinh nam có tỷ lệ thực hành đúng thấp (53,4%) so với học sinh nữ (72,4%), sự khác biệt có ý nghĩa thống kê p < 0,001.

**4. BÀN LUẬN**

**4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu**

Trong 220 học sinh được khảo sát, có 156 học sinh nữ, chiếm 70,9% và 64 học sinh nam, chiếm 29,1%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với kết quả các nghiên cứu khác. Nghiên cứu của Huỳnh Đức Trường tại Cao Lãnh, Đồng Tháp trên 469 học sinh, tỷ lệ nữ giới chiếm 54,8% [4]; nghiên cứu của Đỗ Thị Hạnh Trang và cộng sự trên 640 học sinh, có 467 học sinh nữ chiếm 73% [5]. Trong nghiên cứu này, số lượng học sinh phân bố đều ở 2 khối lớp: khối trung học cơ sở có 100 học sinh chiếm 45,5%, khối trung học phổ thông với 120 học sinh chiếm 54,5%. Về xếp loại học lực, các em đạt ở mức giỏi trở lên với 69 em chiếm 31,4% và 151 học sinh khá chiếm 68,6%.

**4.2. Kiến thức, thực hành đúng phòng chống sốt xuất huyết Dengue**

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ học sinh có kiến thức đúng đạt 90,9%, thực hành đúng chiếm 66,8% (bảng 2). So với kết quả nghiên cứu của Huỳnh Đức Trường



(2021), tỷ lệ kiến thức đúng về phòng chống sốt xuất huyết Dengue là 76,98% [4]. Tương tự, Đỗ Thị Hạnh Trang và cộng sự (2024) nghiên cứu trên 640 học sinh có tỷ lệ kiến thức đúng là 93,9% [5]; nghiên cứu của Nguyễn Thị Thùy Dung cho thấy tỷ lệ có kiến thức đúng là 85,3% và thực hành đúng là 45,9% [6]. Nghiên cứu của Charuai Suwanbamrung và cộng sự tại Thái Lan cũng cho thấy học sinh thực hành đúng có tỷ lệ thấp với 25,9% [7]. Các kết quả này cho thấy nghiên cứu nổi bật với tỷ lệ kiến thức đúng rất cao, nhưng tỷ lệ thực hành đúng vẫn cần cải thiện. Mặc dù so với các nghiên cứu gần đây, kết quả thực hành đúng là vượt trội, nhưng khoảng cách giữa nhận thức và hành động vẫn là vấn đề cần tập trung giải quyết.

#### 4.3. Liên quan giữa kiến thức đúng, thực hành đúng và một số yếu tố liên quan khác

Các yếu tố chúng tôi đưa vào khảo sát gồm giới tính, phân nhóm theo cấp học, số người trong gia đình và xếp loại học lực. Kết quả cho thấy như sau: học sinh nữ có kiến thức đúng 94,9% cao hơn học sinh nam có kiến thức đúng với tỷ lệ 81,3% với OR = 4,26; 95%CI (1,49-12,66), như vậy học sinh nữ có kiến thức đúng cao gấp 4,26 lần so với học sinh nam. Kết quả của chúng tôi khác với nghiên cứu của Huỳnh Đức Trường cho thấy nữ giới có kiến thức đúng là 79,8% và nam giới có kiến thức đúng là 73,6% và OR = 0,71; 95%CI (0,46-1,09) [4]. Nghiên cứu của Đỗ Thị Hạnh Trang và cộng sự thấy kiến thức đúng ở nam có tỷ lệ là 96,5% và ở nữ là 95,8% với OR = 0,8; KTC95% (0,32-2,09) cho thấy không có sự khác biệt giữa 2 giới [5]. Sự khác biệt giữa các nghiên cứu do cỡ mẫu hầu hết nhỏ và do sự khác nhau về đặc điểm của đối tượng nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi còn cho thấy xếp loại học lực cũng có liên quan đến thực hành đúng của học sinh. Ở nhóm học lực từ khá trở xuống có tỷ lệ thực hành đúng là 60,9%, thấp hơn so với nhóm có học lực từ giỏi trở lên với tỷ lệ là 79,71% và sự khác biệt có ý nghĩa thống kê,  $p = 0,006$ ; kết quả OR = 2,51, 95%CI (1,24-5,33) cho thấy nhóm có xếp loại học lực cao hơn có chênh lệch thực hành đúng cao gấp 2,51 lần so với nhóm còn lại. Tuy nhiên, nhóm học lực từ mức giỏi trở lên có kiến thức đúng là 91,3%, cao hơn so với nhóm có học lực từ khá trở xuống với tỷ lệ có kiến thức đúng là 90,7% nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p = 0,89$ ); hơn nữa, với OR = 1,07, CI95% (0,36-3,56) với khoảng cách tương đối rộng cho thấy sự khác biệt không có ý nghĩa có thể do cỡ mẫu còn tương đối nhỏ.

Bảng 3 cho thấy tỷ lệ kiến thức đúng ở nhóm trung học cơ sở là 90%, thấp hơn so với nhóm học sinh trung học phổ thông là 91,2%, tuy nhiên sự khác biệt giữa 2 nhóm không có ý nghĩa thống kê với  $p = 0,78$ . Ngược lại, bảng 4 lại cho thấy, nhóm học sinh trung học phổ thông có tỷ lệ thực hành đúng là 65,9%, thấp hơn so với nhóm trung học cơ sở là 70%, nhưng sự khác biệt cũng không có ý nghĩa thống kê ( $p = 0,58$ ). Hơn nữa, số người trong gia đình cho thấy không có sự khác biệt đáng kể về số thành viên gia đình ( $\leq 4$  người so với  $> 4$  người) và kiến thức đúng, thực hành đúng về phòng chống sốt xuất huyết

với  $p$  lần lượt là 0,18 và 0,12. Kết quả của chúng tôi tương tự với nghiên cứu của Huỳnh Đức Trường cho thấy số thành viên trong gia đình  $\leq 4$  người có kiến thức đúng chiếm tỷ lệ 75,7% từ 5 người trở lên có kiến thức đúng là 79,4% với OR = 0,81; 95%CI (0,51-1,29) [4].

## 5. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu kiến thức, thực hành phòng chống sốt xuất huyết Dengue của học sinh trung học tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ năm 2024, chúng tôi rút ra một số kết luận:

- Học sinh trung học tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ có kiến thức đúng về phòng chống sốt xuất huyết là 90,9%, thực hành đúng chiếm 66,8%.

- Một số yếu tố liên quan làm tăng chênh lệch tỷ lệ kiến thức đúng, thực hành đúng được tìm thấy là giới nữ (OR = 4,26 và 2,31), xếp loại học lực giỏi trở lên làm tăng chênh lệch thực hành đúng với OR = 2,51 và  $p$  đều  $< 0,01$ .

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Hải Hà và cộng sự, Sốt xuất huyết Dengue tại Việt Nam giai đoạn 1999-2020, Tạp chí Y học Dự phòng, 2022, 32 (2), tr: 9-15.
- [2] Bộ Y tế, Hội nghị Tổng kết hoạt động phòng, chống dịch bệnh khu vực phía Nam, thành phố Hồ Chí Minh, 2023.
- [3] Nguyễn Thị Văn Văn, Đánh giá kiến thức, thực hành về phòng chống sốt xuất huyết Dengue thông qua trường học tại huyện Long Thành, Đồng Nai năm 2022-2023, Tạp chí Truyền nhiễm Việt Nam, 2023, 2 (42), tr: 122-127.
- [4] Huỳnh Đức Trường, Thực trạng kiến thức thái độ phòng bệnh sốt xuất huyết Dengue của học sinh Trường Trung học cơ sở An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp năm 2017, Luận văn thạc sỹ y tế công cộng, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội, 2017.
- [5] Đỗ Thị Hạnh Trang và cộng sự, Kiến thức về phòng bệnh sốt xuất huyết Dengue của học sinh trường Trung học cơ sở xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình năm 2022, Tạp chí Y học Cộng đồng, 2021, 65 (4), tr: 51-58.
- [6] Nguyễn Thị Thùy Dung, Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về phòng bệnh sốt xuất huyết và một số yếu tố liên quan của học sinh tại 2 trường trung học cơ sở thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa năm 2013, Luận văn thạc sỹ y tế công cộng, Trường Đại học Y tế Công cộng, 2013.
- [7] Charuai Suwanbamrung et al, Knowledge, attitudes, and practices towards Dengue prevention among primary school children with and without experience of previous Dengue infection in southern Thailand, One Health, 2021, doi.13(2021)100275.